

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**
Bản án số: 13/2025/HSST
Ngày: 03/03/2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tiến

2. Ông Phan Kiên Nhẫn

- Thư ký phiên tòa: Bà Sơn Thị Chanh Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa: Ông Dương Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 124/2024/TLST-HS, ngày 23 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HS, ngày 05/02/2025 đối với bị cáo: **Lê Hoàng T**, sinh ngày 10/03/1993, nơi sinh tại huyện M, tỉnh Bến Tre, nơi cư trú: Số nhà D, ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hoàng C, sinh năm 1971 và bà Phan Thị T1, sinh năm 1971, anh chị em ruột có 01 người, sinh năm 2000; tiền sự: Không, tiền án: 03 lần:

+ Ngày 28/07/2015, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

+ Ngày 21/04/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xử phạt 02 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

+ Ngày 16/08/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xử phạt 03 năm, 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/08/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: 1/Bà **Nguyễn Thị Mỹ H**, sinh năm 1980 (xin vắng)

2/Ông **Nguyễn Thái K**, sinh năm 1973 (xin vắng)

Cùng nơi cư trú: ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/Chị **Ngô Thị Mỹ L**, sinh năm 1995 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp E, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang

Tạm trú: Số nhà A, ấp F, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2/Anh **Phan Thanh H1**, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp E, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang

3/Ông **Lê Hoàng C**, sinh năm 1971 (vắng mặt)

4/Bà **Phan Thị T1**, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, Bến Tre

5/Ông **Nguyễn Thanh P**, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp H, xã N, TX. B, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 29/07/2024, Lê Hoàng T, sinh ngày 10/03/1993, ngụ ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre điều khiển xe mô tô biển số 64K1-263.94 đi từ nhà trọ do T thuê ở ngang Khu đô thị S thuộc ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long chạy về nhà trọ lúc trước đã thuê thuộc đường tỉnh 908 để lấy đồ nhưng đi giữa đường thì bị đau bụng nên tìm chỗ đi vệ sinh. Lúc này, T nhìn thấy quán cà phê vông Hạnh V phía bên lề phải của chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1980, thuộc ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long thì biết là sẽ có nhà vệ sinh nên ghé vào, T đi vào nhà vệ sinh phía sau quán để đi vệ sinh. Sau khi đi vệ sinh xong, T đi ra và thấy trong quán có xe mô tô thì nghĩ có người ở bên trong nhà và sẽ có tài sản để trộm cắp. Khi đi đến cửa phòng ngủ thì T thấy chị H còn đang ngủ, T thấy chị H trỏ mình và tay có đeo chiếc lắc vàng nhưng phòng ngủ không có mở cửa nên tiếp tục đi ra phía trước thì chân bị trúng vào con dao bằng kim loại, cán bằng gỗ, kích thước lưỡi dao 20cm x10cm để tại đây nên T đã cầm lấy con dao và nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của chị H, T quay lại chỗ phòng chị H dùng tay kéo giật mạnh cửa phòng ngủ mở ra rồi T đi vào trong nói với chị H “*Có tiền, vàng gì đưa đây, tôi khổ lắm rồi, lấy vậy thôi*”. Lúc này,

chị H lo sợ nên vừa chỉ chỗ để vàng và vừa nói “*Đó vàng đó, vàng giả không hà, muốn lấy thì lấy đi đi*”, thì T theo hướng chỉ của chị H mà lấy vàng trong hộp để trên đầu tủ giường nằm cho vào túi quần gồm: 02 chiếc lắc đeo tay, 03 nhẫn hột, 02 sợi dây chuyền, 02 đôi (04 chiếc) bông tai và 01 chiếc vòng đứt bằng vàng 18 Kara, T thấy có cây kéo trên đầu tủ nên lấy cầm trên tay cầm dao không để cho chị H lấy do lo sợ chị H sử dụng để chống trả lại T. Sau đó, T hỏi tiếp “*Còn gì nữa không*”, chị H vừa đưa tay có đeo chiếc lắc vừa nói “*Nè, vàng giả nè, lấy luôn đi*” nên T giật lấy chiếc lắc chị H đang đeo bỏ vào túi quần thì chị H tiếp tục đưa 01 cọc tiền và nói “*Tiền nè lấy đi đi, tiền lẻ không hà, tiền chặn lấy đồ hết rồi, không có nữa đâu*”. T lấy bỏ vào túi má không kiểm tra là bao nhiêu tiền.

Lúc này, T nhìn thấy 02 điện thoại di động (gồm 01 điện thoại hiệu *OPPO A3S* màu đen và 01 điện thoại hiệu *Samsung A52*) để trên đầu tủ nên lấy bỏ vào túi rồi đi ra nhà sau để lại cây kéo trên bàn, đi ra sân bỏ dao lại và lên xe chạy đi về hướng B. T chạy xe qua thị xã B tìm chỗ bán số tài sản vừa cướp được. Trên đường đi, T ngừng xe dọc đường để kiểm tra số tiền vừa chiếm đoạt được là 1.500.000đ (*một triệu năm trăm nghìn đồng*) và kiểm tra điện thoại thì phát hiện phía trong ốp lưng điện thoại Samsung vừa cướp được có 02 tờ tiền nước ngoài (*mỗi tờ tiền đề mệnh giá 1.000đ*) nên T lấy ra bỏ vào túi quần.

Đến thị xã B thì T chạy xe qua nhiều hẻm và đường nhỏ để tìm tiệm vàng bán số vàng vừa cướp được, T thấy 01 tiệm vàng (*không xem tên và bảng hiệu cũng như địa chỉ*) trong hẻm thì ghé vào bán vàng. Chủ tiệm vàng kiểm tra và mua số vàng Tâm vừa cướp được cùng với 2.000đ tiền nước ngoài được 67.000.000đ (*sáu mươi bảy triệu đồng*). Sau đó, T cất giữ tiền vào túi quần rồi quay về nhà trọ.

Khi về đến nhà trọ, T kiểm tra trong túi quần thì phát hiện còn một chiếc lắc vàng loại nhỏ nên kêu Ngô Thị Mỹ L, sinh năm 1995 (*là người sống chung như vợ chồng với T*) đi qua tiệm vàng ở Khu đô thị M để bán và L có hỏi nguồn gốc vàng ở đâu thì T trả lời là: Coi tiệm bán cá người ta bán cá thua nên đưa. Lan tin và đem chiếc lắc đi qua tiệm V1 ở Khu đô thị M bán được 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*) và đem tiền về đưa cho T. Đến chiều cùng ngày, T lấy 02 điện thoại cướp được ra kiểm tra thì phát hiện điện thoại hiệu *OPPO* bị hư, còn điện thoại hiệu *Sam Sung* thì bị nứt màn hình và kiểm tra danh bạ trong điện thoại Samsung này thì thấy có lưu nhiều số của công an A, công an xã và công an ấp nên sợ mà

ném 02 điện thoại này xuống sông phía sau nhà trọ, còn số tiền bán tài sản cướp được cũng như số tiền cướp được thì T đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại kết luận định giá tài sản số 49/KL.ĐGTS ngày 06/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận:

+ Tiền nước ngoài là 2.000đ đô Đài Loan có giá 704.060 đồng/đô. Tổng tiền là 1.408.120đ.

+ 01 điện thoại di động hiệu OPPO A3S màu đen có giá 500.000đ.

+ 01 điện thoại di động hiệu S A52 có giá 2.500.000đ.

+ 01 chiếc lắc đeo tay bằng vàng 17Kara, trọng lượng 4,03 chỉ, đơn giá là 5.344.000đ/chỉ. Tổng tiền là 21.536.320đ.

+ 01 chiếc lắc đeo tay bằng vàng 16 K, với trọng lượng 2,34 chỉ, đơn giá là 5.030.000đ/chỉ. Tổng tiền là 11.770.200đ.

+ 01 nhẫn hột (càrá) bằng vàng 16 Kara, trọng lượng là 1,23 chỉ, đơn giá là 5.030.000đ/chỉ. Tổng tiền là 6.186.900đ.

+ 01 nhẫn hột (càrá) bằng vàng 16 Kara, trọng lượng là 1,63 chỉ, đơn giá là 5.030.000đ/chỉ. Tổng tiền là 8.198.900đ.

+ 01 nhẫn hột (càrá) bằng vàng 17Kara, trọng lượng là 0,66 chỉ, đơn giá là 5.344.000đ/chỉ. Tổng tiền là 3.527.040đ.

+ 01 sợi dây chuyền phen lật bằng vàng 16 K, trọng lượng là 3,25 chỉ, đơn giá là 5.030.000đ/chỉ. Tổng tiền là 16.347.500đ.

+ 01 mặt dây chuyền bằng vàng 17 Kara, trọng lượng 0,46 chỉ, đơn giá là 5.344.000đ/chỉ. Tổng tiền là 2.458.240đ.

+ 01 sợi dây chuyền phen chữ công và mặt dây chuyền bằng vàng 17 K, trọng lượng là 1,41 chỉ, đơn giá là 5.344.000đ/chỉ. Tổng tiền là 7.535.040đ.

+ 01 đôi (02 chiếc) bông tai bằng vàng 18Kara, trọng lượng 0,446 chỉ, đơn giá là 5.659.000đ/chỉ. Tổng tiền là 2.523.914đ.

+ 01 đôi (02 chiếc) bông tai bằng vàng 17 Kara, trọng lượng 0,52 chỉ, đơn giá là 5.344.000đ/chỉ. Tổng tiền là 2.778.880đ.

+ 01 Vòng đút hột trà bằng vàng 16Kara, trọng lượng 2,785 chỉ, đơn giá là 5.030.000đ/chỉ. Tổng tiền là 14.008.550đ.

Tổng giá trị tài sản này là 101.279.604đ (*một trăm lẻ một triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn sáu trăm lẻ bốn đồng*, bút lục 172-173).

Tại Bản Cáo trạng số: 05/CT-VKSTB ngày 18/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long đã truy tố bị cáo Lê Hoàng T về tội “*Cướp tài sản*” theo quy định tại điểm d, đ, h, khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Sau khi kiểm tra đầy đủ các chứng cứ buộc tội, gỡ tội và các tình tiết khác của vụ án, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội do bị cáo gây ra như nội dung Bản Cáo trạng đã nêu, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, nên có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Lê Hoàng T đã phạm tội “*Cướp tài sản*” theo quy định tại điểm d, đ, h, khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm d, đ, h, khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Hoàng T mức án tù 09 năm đến 09 năm, 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/08/2024.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền là 102.779.604đ.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) quần Jean dài ống, màu xanh nhãn hiệu “GUOCI” đã qua sử dụng; 01 (một) con dao bằng kim loại, cán bằng gỗ, kích thước lưỡi dao 20cm x 10 cm.

Trả lại cho bà Phan Thị T1 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại EXCITER có số máy G3D4E458108, số khung 0610HY437596 màu xanh, không biển số, đã qua sử dụng; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 116669, mang tên Trần Ngọc T2, biển số 71B3-207.97, cấp ngày 26/04/2017; 01 (một) Giấy biên nhận bán xe của Cửa hàng V2, địa chỉ Số E, Đại lộ Đ, khu phố D, Phường P, Thành phố B, tỉnh Bến Tre đề ngày 01/05/2019.

Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 5.138.980đ.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Hoàng T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, thống nhất với lời luận tội của Vị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận, không bào chữa cho mình, lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Ngô Thị Mỹ L trình bày: Chị và bị cáo sống chung nhà trọ, không có đăng ký kết hôn, ngày xảy ra sự việc chị không biết bị cáo thực hiện hành vi “Cướp tài sản”, chị có đem vàng đi bán có hỏi bị cáo nhưng bị cáo nói vàng do người chơi game bắn cá thua trả cho bị cáo, ngoài ra chị không biết gì khác.

Trong biên bản ghi lời khai ngày 25/11/2024, ông Nguyễn Thái K, bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày: Ông, bà yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật và bồi thường toàn bộ số tài sản của vợ chồng ông, bà đã bị mất theo kết luận định giá tài sản (BL59 -60 và 66-67).

Trong biên bản ghi lời khai ngày 22/10/2024, anh Phan Thanh H1 trình bày: Tài sản chung của anh và chị L chỉ có chiếc xe mô tô nhãn hiệu EXCITER màu đen, biển số 95B1-546.58, sau khi ly hôn, anh không nhận xe này và giao cho chị L sử dụng, không có yêu cầu gì về xe này, nếu nhận lại thì đề nghị trả lại cho chị L, anh không có liên quan (BL103-104).

Trong biên bản ghi lời khai ngày 19/11/2024, ông Nguyễn Thanh P trình bày: Biển số xe 64K1-263.94 của anh đã bị mất tháng 04/2023, đến tháng 06/2023 thì anh đã làm thủ tục và được cấp lại biển số xe mới. Ngày 29/07/2024, có người sử dụng biển số xe 64K1-263.94 của anh để thực hiện hành vi Cướp tài sản thì đây là biển số của anh bị mất trước đó mà không phải biển số xe của anh hiện tại thời điểm này do khoảng 08 giờ ngày 29/07/2024 cả nhà anh đi đưa dâu nên khóa cửa bỏ xe trong nhà. Hiện tại anh đã được cấp lại biển số này nên có yêu cầu hủy dùm biển số anh đã mất, anh không có liên quan gì đến biển số đã mất này nữa (BL101-102).

Trong biên bản ghi lời khai ngày 16 và ngày 17/11/2024, ông Lê Hoàng C, bà Phan Thị T1 trình bày: Xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại EXCITER có số máy G3D4E458108, số khung 0610HY437596 màu xanh mà T sử dụng ngày 29/07/2024 có nguồn gốc của vợ chồng ông, bà mua xe cũ, có làm giấy biên nhận bán xe và giao giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Trần Ngọc T2, biển số 71B3-207.97 cho ông, bà sử dụng. Sau khi mua xe thì ông, bà cho bị cáo mượn sử dụng. Ông bà không biết bị cáo sử dụng xe này đến thực hiện hành vi phạm tội, nên yêu cầu được nhận lại xe (BL85-88).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa cho bị hại có đơn xin vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt. Tuy nhiên, bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã có lời khai thể hiện rõ trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này.

Đối với ông Nguyễn Thái K qua quá trình điều tra và thẩm tra hồ sơ tại phiên tòa thì tài sản bị thiệt hại là của bà H và ông K, nên Hội đồng xét xử xác định ông K là bị hại trong vụ án theo đúng quy định tại Điều 62 của Bộ luật tố tụng hình sự là có căn cứ.

[2]. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, ngoài ra vụ án còn phù hợp các biên bản hoạt động điều tra như: Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu hồi vật chứng, biên bản ghi lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, biên bản ghi lời khai và biên bản hỏi cung của bị cáo nên có căn cứ kết luận: Vào khoảng 07 giờ, ngày 29/07/2024 tại ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, bị cáo Lê Hoàng T đã có hành vi dùng dao bằng kim loại, cán bằng gỗ, kích thước lưỡi dao dài 20cm x 10cm là hung khí nguy hiểm đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc cướp tài sản gồm: Tiền nước ngoài là 2.000đ đô Đài Loan, trị giá là 1.408.120đ; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A3S màu đen có giá 500.000đ; 01 điện thoại di động hiệu Samsung A52 có giá 2.500.000đ; 01 chiếc lắc đeo tay bằng vàng 17Kara, trọng lượng 4,03 chỉ, trị giá là

21.536.320đ; 01 chiếc lắc đeo tay bằng vàng 16 K, với trọng lượng 2,34 chỉ, trị giá là 11.770.200đ; 01 nhẫn hột (càrá) bằng vàng 16 K, trọng lượng là 1,23 chỉ, trị giá là 6.186.900đ; 01 nhẫn hột (càrá) bằng vàng 16 K, trọng lượng là 1,63 chỉ, trị giá là 8.198.900đ; 01 nhẫn hột (càrá) bằng vàng 17Kara, trọng lượng là 0,66 chỉ, trị giá là 3.527.040đ; 01 sợi dây chuyền phen lật bằng vàng 16 K, trọng lượng là 3,25 chỉ, trị giá là 16.347.500đ; 01 mặt dây chuyền bằng vàng 17 K, trọng lượng 0,46 chỉ, trị giá là 2.458.240đ; 01 sợi dây chuyền phen chữ công và mặt dây chuyền bằng vàng 17 K, trọng lượng là 1,41 chỉ, trị giá là 7.535.040đ; 01 đôi (02 chiếc) bông tai bằng vàng 18Kara, trọng lượng 0,446 chỉ, trị giá là 2.523.914đ; 01 đôi (02 chiếc) bông tai bằng vàng 17 Kara, trọng lượng 0,52 chỉ, trị giá là 2.778.880đ; 01 Vòng đứt hột trà bằng vàng 16Kara, trọng lượng 2,785 chỉ, trị giá là 14.008.550đ và 1.500.000đ tiền mặt. Tổng giá trị tài sản này là 102.779.604đ (*một trăm lẻ hai triệu, bảy trăm bảy mươi chín nghìn, sáu trăm lẻ bốn đồng*).

Căn cứ vào việc bị cáo sử dụng con dao để thực hiện hành vi, giá trị tài sản chiếm đoạt và nhân thân của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Hoàng T đã phạm vào tội “*Cướp tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d, đ, h, khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long truy tố là có căn cứ, đúng người, khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự quy định: “2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:.....*

d) Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác;

đ) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

.....

h) Tái phạm nguy hiểm”.

[3]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến an ninh, trật tự xã hội và đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, sử dụng vũ khí nguy hiểm để uy hiếp, đe dọa tính mạng bị hại nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại để có tiền tiêu xài cá nhân, bản thân bị cáo đã 03 lần bị kết án về tội xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội với tính chất, mức độ của hành vi ngày càng nguy hiểm hơn, chứng tỏ ý thức xem thường pháp luật của bị cáo. Do

đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc là cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ dài mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và nhằm mục đích phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4]. *Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017*: Sau khi phạm tội bị cáo cũng đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo có công với cách mạng, bị cáo tự nguyện ra đầu thú, nên cần xem xét đây là các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại các điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là có cơ sở.

[5]. *Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017*: Không có.

[6]. *Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 6 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định*: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo là có căn cứ.

[7]. *Về trách nhiệm dân sự*: Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền là 102.779.604đ.

[8]. *Về xử lý vật chứng*: Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) quần Jean dài ống, màu xanh nhãn hiệu “GUOCI” đã qua sử dụng; 01 (một) con dao bằng kim loại, cán bằng gỗ, kích thước lưỡi dao 20cm x 10 cm do bị cáo và bị hại không nhận lại.

Trả lại cho bà Phan Thị T1, ông Lê Hoàng C 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại EXCITER có số máy G3D4E458108, số khung 0610HY437596 màu xanh, không biển số, đã qua sử dụng; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 116669, mang tên Trần Ngọc T2, biển số 71B3-207.97, cấp ngày 26/04/2017; 01 (một) Giấy biên nhận bán xe của Cửa hàng V2, địa chỉ Số E, Đại lộ Đ, khu phố D, Phường P, Thành phố B, tỉnh Bến Tre đề ngày 01/05/2019, do bị cáo không phải là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 95B1-546.58 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 95B1-546.58 của anh Phan Văn H2, do chị L sử dụng, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại anh Phan Thanh H1 nhận do không có liên quan đến vụ án là có căn cứ.

Đối với biển số xe 64K1-263.94 của anh Nguyễn Thanh P, bị cáo lấy trộm dùng để gắn lên xe YAMAHA loại EXCITER có số máy G3D4E458108, số khung 0610HY437596 màu xanh để thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã ném bỏ không thu hồi được, anh P không có yêu cầu gì nên không đặt ra giải quyết.

[9]. *Về án phí*: Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 5.138.980đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[10]. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Ngô Thị Mỹ L là người ở cùng nhà trọ với bị cáo, sau khi phạm tội, bị cáo đưa cho chị L đem bán 01 chiếc lắc vàng dùm cho bị cáo, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, chị L đều khai nhận chị L có hỏi bị cáo nói người khác thiếu nợ nên gán nợ, chị L không biết đây là tài sản do phạm tội mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Hoàng T phạm tội “*Cướp tài sản*”.

[1]. Căn cứ điểm d, đ, h khoản 2, Điều 168; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Hoàng T 09 (C1) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 04/08/2024.

Tuyên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[2]. *Về trách nhiệm dân sự*: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015: Tuyên buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền là 102.779.604đ (*Một trăm lẻ hai triệu, bảy trăm bảy mươi chín nghìn, sáu trăm lẻ bốn đồng*)

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2021: Tuyên tịch tiêu hủy 01 (một) quần Jean dài ống, màu xanh nhãn hiệu “GUOCI” đã qua sử dụng; 01 (một) con dao bằng kim loại, cán bằng gỗ, kích thước lưỡi dao 20cm x 10 cm.

Tuyên trả lại cho bà Phan Thị T1, ông Lê Hoàng C gồm: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại EXCITER có số máy G3D4E458108, số khung 0610HY437596 màu xanh, không biển số, đã qua sử dụng; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 116669, mang tên Trần Ngọc T2, biển số 71B3-207.97, cấp ngày 26/04/2017; 01 (một) Giấy biên nhận bán xe của Cửa hàng V2, địa chỉ Số E, Đại lộ Đ, khu phố D, Phường P, Thành phố B, tỉnh Bến Tre đề ngày 01/05/2019.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/01/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long)

[4]. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2021 và điểm a khoản 1 Điều 23, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên buộc bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 5.138.980đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2021: Bị cáo, người tham gia tố tụng có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người tham gia tố tụng vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- UBND xã Tân Phú Tây, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

Nguyễn Văn Bảo